

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS BÙI XUÂN DIỆU*

Sự hội nhập kinh tế của Việt Nam với khu vực và thế giới đã và đang đặt ra những yêu cầu mới trong công tác QLNN; trong đó, có việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Hiện nay, cùng với xu hướng tự do hóa và toàn cầu hóa thương mại, Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế của mình. Chúng ta đã tham gia tích cực trong các hoạt động của ASEAN, APEC, ASEM và từ đầu năm 2007 đã là thành viên thứ 150 của WTO. Hội nhập kinh tế mang lại cho Việt Nam cơ hội tiếp cận công nghệ - kĩ thuật hiện đại, mở rộng được thị trường xuất khẩu và phát triển sản xuất trong nước, từng bước thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH). Tuy nhiên, hội nhập kinh tế cũng gắn liền với hai vấn đề cơ bản, đó là cắt giảm hàng rào bảo hộ thuế quan - phi thuế quan và việc các công ty nước ngoài được phép hoạt động và có quyền như các doanh nghiệp của Việt Nam. Do sản xuất trong nước chưa phát triển, sức cạnh tranh của hàng hóa còn hạn chế, công nghệ, kĩ thuật lạc hậu nên việc bảo hộ nền sản xuất trong nước là đòi hỏi của thực tiễn. Yêu cầu bảo hộ sản xuất trong nước trong bối cảnh các cam kết hội nhập, chấp nhận cạnh tranh đặt ra yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý nhập khẩu hiệu quả, vừa bảo hộ được sản xuất trong nước, vừa khuyến khích cạnh tranh để phát triển, thực hiện CNH, HĐH thành công, tránh sự phá sản của hàng loạt doanh nghiệp, đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh chính trị của quốc gia.

Nước ta tiến hành CNH, HĐH từ một nền kinh tế lạc hậu, cơ cấu kinh tế với sản

xuất nông nghiệp là chính, phần lớn lao động chưa qua đào tạo nghề nghiệp cần thiết, vì vậy, cần tăng cường nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến của nước ngoài để phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, tăng cường năng lực cũng như sức cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp trong nước, tận dụng ưu thế về nguồn lao động rẻ, tài nguyên thiên nhiên... để mở rộng hoạt động xuất khẩu sang các nước trong khu vực cũng như trên thế giới, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam so với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Đó là khía cạnh tích cực của hoạt động nhập khẩu. Điều này phải được thể hiện trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu; trong đó, chiếm tỉ lệ lớn phải là máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất trong nước. Ngược lại, nếu như trong cơ cấu hàng nhập khẩu chiếm chủ yếu là hàng hóa phục vụ tiêu dùng thì tác động của nhập khẩu đối với sản xuất trong nước rất hạn chế, đồng thời, việc nhập khẩu hàng tiêu dùng tràn lan dễ dẫn đến tình trạng nhập siêu, mất cân đối cán cân thanh toán, gây ra tình huống nguy hiểm cho an ninh tài chính quốc gia.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giá trị nhập khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm 2008, ước tính đạt 44,5 tỉ USD, tăng 60,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 75,1% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 39%. Nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, các mặt hàng phục vụ tiêu

* Sở Ngoại vụ tỉnh Ninh Bình.

dùng trong nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu tăng cao do yêu cầu phát triển kinh tế, nhập khẩu máy móc thiết bị và lượng nhập khẩu của một số vật tư, nguyên liệu tăng cao (xăng dầu tăng 68,9%, sắt thép tăng 110,7%, phân bón tăng 130,9%...). Đáng chú ý là khối lượng nhập khẩu một số mặt hàng tiêu dùng (như ô tô nguyên chiếc, tăng 413,9% về lượng và 354,5% về kim ngạch) tăng rất cao. Nhập siêu chiếm tỉ trọng rất lớn so với GDP và đã ở mức đáng báo động.

Rõ ràng, hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ mang lại những thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam mà còn đặt Việt Nam trước những khó khăn, thử thách to lớn, tác động đến mọi thành phần, mọi lĩnh vực trong nền kinh tế. Hội nhập đòi hỏi phải tuân thủ nguyên tắc cơ bản là mở cửa thị trường cho sự cạnh tranh công bằng và bình đẳng của hàng hóa, dịch vụ nước ngoài. Thực hiện nguyên tắc này trong điều kiện kém phát triển của nền kinh tế Việt Nam, chúng ta sẽ phải đối mặt với những khó khăn và thách thức.

Thực tế cho thấy, mặc dù đã đạt được một số thành tựu kinh tế bước đầu đáng khích lệ trong quá trình đổi mới, tuy nhiên, trình độ phát triển kinh tế nước ta vẫn còn ở mức rất thấp so với các nước thành viên của WTO, ASEAN, APEC và ASEM. Sản xuất trong nước còn nhiều khó khăn, quá trình chuyển dịch cơ cấu diễn ra chậm chạp với một nền sản xuất nhỏ và phân tán. Tham gia hợp tác kinh tế quốc tế sẽ tạo điều kiện để hàng hóa dịch vụ của Việt Nam có thêm cơ hội thâm nhập thị trường thế giới. Tuy nhiên, sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam còn kém, cơ hội thâm nhập thị trường quốc tế mới chỉ dừng lại ở dạng tiềm năng. Trong khi đó, hàng hóa dịch vụ nước ngoài sẽ có thêm điều kiện thâm nhập thị trường Việt Nam. Như vậy, nếu như hàng hóa, dịch vụ Việt Nam không có sự thay đổi, nâng cao chất lượng thì chắc chắn sẽ không còn chỗ đứng ngay tại thị trường nội địa.

Đối với Việt Nam, việc thực hiện

nguyên tắc không phân biệt đối xử, nhất là đãi ngộ quốc gia còn rất nan giải. Thực tế, sự bảo hộ đối với hàng hóa dịch vụ trong nước vẫn còn là nhu cầu bức bách. Nói khác đi, việc cam kết mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa hàng nội địa và hàng nhập khẩu phải được cân nhắc, tính toán hết sức thận trọng, thực hiện từng bước một cách hợp lý, bảo hộ một cách có điều kiện, có chọn lọc, có thời gian.

Đối với các doanh nghiệp, việc thực hiện các nguyên tắc về không phân biệt đối xử (MFN), nhất là đãi ngộ quốc gia (NT) dành cho những doanh nghiệp của các nước thành viên WTO, ASEAN, APEC và ASEM sẽ đặt ra hàng loạt thách thức. Theo nguyên tắc này, các doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép thành lập các công ty triển khai hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ trên thị trường Việt Nam, đương nhiên là theo lộ trình từng bước. Hiện nay, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam chủ yếu thuộc sở hữu nhà nước, vốn hoạt động trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung nay chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần nên chưa có đủ thời gian để thích ứng. Còn các doanh nghiệp mới được thành lập trong thời kỳ đổi mới kinh tế, chủ yếu lại là các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ, nên dù có sự mềm dẻo linh hoạt trong hoạt động, nhưng rõ ràng xét về mặt quy mô và trình độ quản lý thì khả năng cạnh tranh còn rất hạn chế.

Về cơ bản, nước ta vẫn là một nước nghèo và kém phát triển, quy mô sản xuất còn nhỏ bé. Nguồn tài chính quốc gia vừa rất hạn hẹp vừa chứa đựng những yếu tố thiếu ổn định, còn nhiều mặt yếu kém, bị hạn chế bởi nguồn thu cũng như bị cơ kéo bởi nhiều mục tiêu cấp bách. Cơ cấu kinh tế còn có những tồn tại lớn chưa phát huy được thế mạnh và những lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng. Trình độ phát triển công nghiệp nhìn chung còn lạc hậu so với các nước trong khu vực. Cơ sở hạ tầng còn rất yếu kém.

Tuy nhiên, có một thực tế là 2/3 thành

viên của WTO là những nước đang phát triển; các nước thành viên ASEAN, APEC, ASEM cũng còn có những quốc gia có trình độ phát triển có những mặt tương đồng như Việt Nam. Do vậy, việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam là hoàn toàn có thể, nếu như sớm có chính sách phát triển kinh tế thương mại đúng đắn, thực hiện các cam kết với WTO, ASEAN, APEC, ASEM theo phương châm từng bước vững chắc, nhằm nâng cao nội lực của nền kinh tế kết hợp với tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Trong đó, cơ chế, chính sách quản lý nhập khẩu có vai trò rất quan trọng, một mặt, đảm bảo thực hiện đúng các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, mặt khác, bảo hộ một cách có hiệu quả để phát triển được nền kinh tế quốc gia. Theo suy nghĩ của chúng tôi, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần chú trọng công tác tuyên truyền, thông tin. Hiện nay còn rất nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức được khó khăn trước mắt khi hàng rào thuế quan cắt giảm và tiến tới là xoá bỏ hàng rào phi thuế quan. Vì vậy, việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng hơn nữa các vấn đề liên quan đến quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết. Chính phủ cần sớm đưa ra kế hoạch cắt giảm thuế quan cụ thể đối với từng ngành, mức độ bảo hộ như thế nào, thời gian còn bao lâu, tránh tình trạng lơ mơ về hội nhập trong các doanh nghiệp, nhất là đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, khắc phục tình trạng chỉ tính đến lợi ích trước mắt mà không đầu tư sản xuất vì mục tiêu phát triển lâu dài sau này của khá nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Thứ hai, cần sử dụng công cụ thuế một cách linh hoạt trong điều hành xuất nhập khẩu. Trong cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta chấp nhận lộ trình cắt giảm thuế quan. Tuy nhiên, với mỗi một mặt hàng, một sắc thuế đều có lộ trình cắt giảm nhất định, hơn thế nữa, mỗi mức thuế xuất đều có biên độ dao động giữa mức tối thiểu và tối đa. Lộ trình cắt giảm và biên độ dao động của mỗi sắc thuế là cơ sở, công cụ để

các nhà quản lý sử dụng, điều tiết chính sách nhập khẩu theo hướng khuyến khích nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu, công nghệ, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng, góp phần ổn định cán cân thanh toán quốc tế.

Thứ ba, cần phải tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng hàng nội địa cũng như hạn chế tâm lý “sính hàng ngoại” như hiện nay. Tâm lý tiêu dùng này không chỉ thúc đẩy nạn buôn lậu tràn lan, làm giảm hiệu quả QLNN về nhập khẩu mà còn không khuyến khích được sản xuất trong nước phát triển. Tuy nhiên, việc này chỉ thực hiện được nếu như các doanh nghiệp trong nước cũng phải tự mình nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, hạ thấp được giá thành sản phẩm. Về vấn đề này, kinh nghiệm quản lý của Trung Quốc là rất đáng phải suy nghĩ. Trung Quốc áp dụng biện pháp cấm hoàn toàn việc nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng trong nước đã sản xuất được và sở dĩ chính sách này có hiệu quả vì bản thân các doanh nghiệp Trung Quốc cũng đã tích cực cải tiến mẫu mã, hạ thấp giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thứ tư, xử lý nghiêm minh đối với các vi phạm pháp luật trong QLNN về nhập khẩu, đặc biệt chú trọng xử lý nghiêm và dứt điểm đối với những tiêu cực trong bộ phận cán bộ hải quan - người gác cổng của đất nước, tránh tình trạng chỉ xử phạt hành chính, cách chức, chuyển công tác hoặc cho về hưu khi gây ra thiệt hại hàng chục tỉ đồng và làm rối ren hoạt động quản lý, gây mất lòng tin nhất là với những doanh nghiệp đang chấp hành đầy đủ những quy định của pháp luật. Con người là yếu tố rất quan trọng trong công tác QLNN về nhập khẩu, vì vậy, để việc quản lý có hiệu quả, cần nâng cao năng lực cũng như phẩm chất, đạo đức của cán bộ quản lý xuất nhập khẩu, từ nhân viên hải quan đến những cán bộ hoạch định chính sách, có vai trò quyết định điều hành xuất nhập khẩu.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế hiệu quả cho các

vùng nông thôn, tránh tình trạng nông dân đổ xô về các cửa khẩu làm cứu vãn cho buôn lậu. Trong đó, đặc biệt cần chú ý đến việc phát triển kinh tế vùng biên nhằm tạo công ăn việc làm ổn định, thu nhập tương đối cho người dân, tiến tới xoá bỏ lực lượng tiếp tay cho buôn lậu đông đảo này.

Thứ sáu, tăng cường công tác quản lý tem nhập khẩu. Thực hiện Chỉ thị số 853/CT-TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, Nhà nước đã tiến

hành dán tem nhập khẩu một số mặt hàng. Mặc dù việc này đã có tác dụng rất tích cực trong công tác chống buôn lậu, tuy nhiên, hiện nay, để chống hiện tượng tem giả, quay vòng tem để sử dụng nhiều lần, cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, nâng cao chất lượng tem như sử dụng tem nhập khẩu mà nếu bóc ra sẽ bị đổi màu, hoặc sử dụng tem không bóc được đối với một số mặt hàng nhất định □

* * * * *

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHẦM...

(Tiếp theo trang 17)

hướng: (1) đối với công ty niêm yết tối đa là 49%; (2) đối với công ty đại chúng chưa niêm yết áp dụng theo danh mục ngành nghề được quy định, tỉ lệ 40% theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; (3) đối với DNNN cổ phần hoá áp dụng theo tỉ lệ quy định trong quyết định phê duyệt cổ phần hoá. Đánh giá lại và quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi sở hữu đối với các tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần và niêm yết trên TTCK (các doanh nghiệp, quỹ đầu tư có tỉ trọng sở hữu nước ngoài trên 65% mới được xem là tổ chức nước ngoài). Cho phép thành lập chi nhánh và công ty quản lý quỹ 100% vốn nước ngoài.

- Sửa đổi Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19-01-2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán theo hướng tăng vốn pháp định, làm rõ và nâng cao tiêu chí thành lập để có cơ chế quản lý chặt chẽ đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán do ngân hàng thành lập.

- Tăng cường quản lý, giám sát tín dụng đầu tư chứng khoán và cầm cố chứng khoán, nói lỏng ở mức vừa phải (khoảng 1%) tín dụng cho vay chứng khoán trên cơ sở vẫn đảm bảo tổng mức tín dụng tăng

trường chung.

- Có quy chế giám sát, quản lý rõ ràng đối với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) khi tham gia TTCK. Việc can thiệp thông qua SCIC chủ yếu giải quyết vấn đề ổn định tâm lý, chỉ thực hiện mua vào khi chỉ số VN-Index giảm xuống quá thấp, có nguy cơ dẫn đến khủng hoảng trên thị trường và cho phép không công bố thông tin chi tiết về việc mua vào cổ phiếu của SCIC. Hàng tuần, SCIC thực hiện công bố thông tin thị trường về tổng khối lượng và tổng giá trị chứng khoán đã mua lại. Đây chỉ là giải pháp mang tính tình thế, về lâu dài cần giảm sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào việc xác định giá trị cổ phiếu ở cả hai chiều khi thị trường lên xuống nhằm đảm bảo cho thị trường vốn phát triển lành mạnh.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành (chủ yếu là Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông) trong công tác thông tin tuyên truyền, hợp báo hàng tuần công bố thông tin nhằm góp phần tạo sự minh bạch cho sự phát triển của TTCK, ổn định tâm lý xã hội, nhà đầu tư; có quy chế đảm bảo an ninh tại các sàn giao dịch chứng khoán □